



**CÔNG KHAI SƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CƠ SỞ  
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**I. Cơ sở vật chất chung**

Tổng diện tích đất sử dụng chung toàn Trường: **32.384.9 m<sup>2</sup>**

**1. Diện tích xây dựng tại trụ sở chính: 40.138 m<sup>2</sup> trong đó:**

- Khu hiệu bộ và khu hành chính: **2.872 m<sup>2</sup>**. Số người làm việc (Ban giám hiệu, cán bộ quản lý các phòng, khoa): **226** người. Diện tích chỗ làm việc trung bình: **12.7 m<sup>2</sup>/người**
- Phòng học lý thuyết: **104 phòng (7.226 m<sup>2</sup>)**
- Phòng thực hành, thực tập: **70 phòng thực hành (5.216m<sup>2</sup>)**
- Vườn thực vật: 01 diện tích: **500 m<sup>2</sup>**
- Vườn dược liệu: 01 diện tích: **15.487.5 m<sup>2</sup>**
- Thư viện: **1.436 m<sup>2</sup>**
- Phòng Y tế: **718 m<sup>2</sup>**
- Hội trường: **3.152 m<sup>2</sup>** ( khoảng 1.200 chỗ ngồi)
- Ký túc xá: **6.559 m<sup>2</sup>** (215 phòng), có quy mô trên **1.720** chỗ ở nội trú
- Diện tích bình quân **5.5 m<sup>2</sup>/chỗ học.**

**II. Điều kiện về trang thiết bị dụng cụ**

Trung tâm Thực hành – Tiên lâm sàng có tổng số 70 phòng thực hành với tổng diện tích 5.216 m<sup>2</sup> phục vụ cho việc giảng dạy – học tập các môn học thực hành tại trường. Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ, hóa chất, vật tư tiêu hao cần thiết để phục vụ tốt cho quá trình học tập. Số lượng các phòng cụ thể như sau:

STT	Phòng thực hành	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng thực hành Hóa – Kiểm nghiệm	02	
2	Phòng TH Kiểm nghiệm thuốc	03	
3	Phòng TH Bào chế	04	

4	Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng	02	
5	Phòng chuẩn bị thực hành	04	
6	Phòng thực hành Y sinh	01	
7	Phòng thực hành Thực vật – Dược liệu – Dược cổ truyền	03	
8	Phòng thực hành bán thuốc	04	
9	Phòng thực hành sản xuất thuốc	15	
10	Phòng thực hành Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh – Ký sinh trùng	02	
11	Phòng thực hành tin học	04	
12	Phòng thực hành Chăm sóc sơ sinh	01	
13	Phòng thực hành Kỹ thuật hình ảnh cơ bản	01	
14	Phòng thực hành Sản, Nhi YHCT	01	
15	Phòng thực hành Sản, Nhi, KHHGD	01	
16	Phòng thực hành Ngoại khoa YHCT	01	
17	Phòng thực hành Xét nghiệm hóa sinh – Miễn	01	
18	Phòng thực hành Y học cổ truyền	01	
19	Phòng thực hành Chăm sóc sản khoa	01	
20	Phòng thực hành Phục hồi chức năng	01	
21	Phòng thực hành Sinh lý bệnh – Miễn dịch	01	
22	Phòng thực hành Sức khỏe cộng đồng	01	
23	Phòng thực hành Nội khoa	01	
24	Phòng thực hành Chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh	01	
25	Phòng thực hành Xét nghiệm vi sinh – Ký	01	

	sinh trùng		
26	Phòng thực hành Xét nghiệm – Huyết học truyền máu	01	
27	Phòng thực hành Chăm sóc sản khoa	01	
28	Phòng thực hành Giải phẫu bệnh	01	
29	Phòng thực hành nội khoa Y học cổ truyền	01	
30	Phòng thực hành Ngoại khoa	01	
31	Phòng thực hành Hồi sức cấp cứu – Chăm sóc tích cực	01	
32	Phòng thực hành Điều dưỡng	02	
33	Trung tâm Thực hành – Tiền lâm sàng	01	
34	Phòng thực hành Siêu âm	01	
35	Phòng thực hành Điện tim	01	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>67</b>	

## 2.1. NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

1. Phòng thực hành kỹ thuật Điều dưỡng
2. Phòng thực hành cấp cứu và chăm sóc tích cực
3. Phòng thực hành chăm sóc người bệnh tại buồng bệnh
4. Phòng thực hành sản, nhi, kế hoạch hóa gia đình
5. Phòng thực hành y học cổ truyền – phục hồi chức năng
6. Phòng thực hành giải phẫu
7. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng
8. Phòng thực hành sức khỏe cộng đồng

## 2.2. NGÀNH DƯỢC

1. Phòng thực hành y sinh
2. Phòng thực hành hóa – kiểm nghiệm

3. Phòng thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền
4. Phòng thực hành dược lý – dược lâm sàng
5. Phòng thực hành bào chế
6. Phòng thực hành bán thuốc
7. Phòng thực hành sản xuất thuốc

### **2.3. NGÀNH HỘ SINH**

1. Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng – chăm sóc sức khỏe cộng đồng
2. Phòng thực hành chăm sóc phụ nữ và kế hoạch hóa gia đình
3. Phòng thực hành chăm sóc sản khoa
4. Phòng thực hành chăm sóc sơ sinh
5. Phòng thực hành giải phẫu
6. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng

### **2.4. NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC**

1. Phòng thực hành giải phẫu, sinh lý – điều dưỡng
2. Phòng thực hành xét nghiệm – huyết học truyền máu
3. Phòng thực hành xét nghiệm hóa sinh, miễn dịch
4. Phòng thực hành xét nghiệm vi sinh, ký sinh trùng

### **2.5. NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC**

1. Phòng thực hành kỹ thuật hình ảnh cơ bản
2. Phòng thực hành siêu âm

### **2.6. NGÀNH Y SĨ ĐA KHOA**

1. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng
2. Phòng thực hành giải phẫu bệnh
3. Phòng thực hành điều dưỡng
4. Phòng thực hành dược lý
5. Phòng thực hành sinh lý bệnh – miễn dịch
6. Trung tâm thực hành – tiền lâm sàng

### **2.7. NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN**

1. Phòng thực hành điều dưỡng
2. Phòng thực hành sinh lý, hóa sinh, vi sinh – ký sinh trùng
3. Phòng thực hành giải phẫu
4. Phòng thực hành thực vật, dược liệu, dược cổ truyền
5. Phòng thực hành y học cổ truyền
6. Phòng thực hành sản, nhi y học cổ truyền
7. Phòng thực hành nội khoa y học cổ truyền
8. Phòng thực hành ngoại khoa y học cổ truyền

**CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN  
ĐANG CÔNG TÁC TẠI NHÀ TRƯỜNG**

TT	Nội dung	Tổng số	Chức danh GS/P GS	Trình độ chuyên môn				Ghi chú
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	
<b>1</b>	<b>Giảng viên cơ hữu theo ngành</b>							
1.1	Cao đẳng Dược	72		06	35	18	13	
1.2	Cao đẳng Điều dưỡng	23			14	09		
1.3	Cao đẳng Hộ sinh	05			02	03		
1.4	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	05			03	02		
1.5	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	07		02	03	02		
1.6	Cao đẳng Y sĩ đa khoa	42		07	28	07		
1.7	Cao đẳng YHCT	11			03	08		
1.8	Nghề nhân viên y tế thôn bản (TĐSC)	2			1	1		
1.9	Nghề nhân viên chăm sóc (TĐSC)	3			1	2		
1.10	Nghề xoa bóp bấm huyệt (TĐSC)	3			1	2		
2	Giảng viên cơ hữu môn chung	28		02	16	10		
<b>Tổng số</b>		<b>201</b>		<b>17</b>	<b>107</b>	<b>64</b>	<b>13</b>	

**CÔNG KHAI TỶ LỆ SINH VIÊN/GIẢNG VIÊN QUY ĐỔI  
THEO NGÀNH HỌC**

STT	Khối ngành	Tỷ lệ quy đổi
1	Ngành Dược	25SV/GV
2	Ngành Điều dưỡng	25SV/GV
3	Ngành Hộ sinh	25SV/GV
4	Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học	25SV/GV
5	Ngành Kỹ thuật hình ảnh y học	25SV/GV
6	Ngành Y sĩ đa khoa	25SV/GV
7	Ngành Y học cổ truyền	25SV/GV

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
  
**ThS Hà Thanh Hoà**